

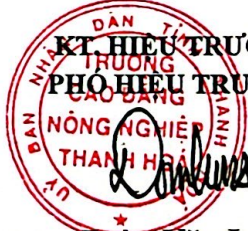
THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
Tuần 11: từ ngày 27/10/2025 đến ngày 02/11/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
K10-DVTY P.E201	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Duyên)</i> 1 Vi sinh vật học TY (Duyên) 3	KTTG (Nga) 4	Vi sinh vật học TY (Duyên) 4	Phương pháp thí nghiệm (Hằng) 4	KTTG (Nga) 4
K11-DVTY P.E203	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Duyên)</i> 1	Vi sinh vật học TY (Duyên) 4	Phương pháp thí nghiệm (Phượng) 4	Vi sinh vật học TY (Duyên) 4	
	Chiều	KTTG (Nga) 3				
K10-KTDN K11-KTDN P.E305	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> 1 Kỹ năng mềm (Dung) 4	Lý thuyết KT (Q.Mai) 4	Anh văn CN (Phiên) 4	Anh văn CN (Phiên) 4	
	Chiều			Thống kê DN (Thuý) 4	KTNS xã phường (Hoa) 4	
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT64A1 P.B306	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Bình)</i> 1 Cây dược liệu (Bình) 3	Bệnh cây chuyên khoa (Hương) 4	Cây rau (Huệ) 4	Cây công nghiệp (Thọ) 4	
TT65A1 P.B201	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hương)</i> 1 GD chính trị (Quế) 4	Giống cây trồng (Huyền) 4	Sinh lý TV (Huệ) 4	Pháp luật (Huyền) 2 GDTC (Quang) 2	GD chính trị (Quế) 4
	Chiều					
TT65A3 P.B306	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i> 1 GD chính trị (Quế) 4	Tin học (Thoa) 4	Giống cây trồng (Huyền) 4	Pháp luật (Huyền) 2 GDTC (Quang) 2	GD chính trị (Quế) 4
	Chiều	Các môn GD chính trị, Pháp luật, GDTC học ghép cùng lớp TT65A1				
CN64A1 P.E204	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i> 1 KTNPTB cho gà vịt (Hoà) 3	Ký sinh trùng thú y (Phượng) 4	KTNPTB cho lợn (Hưng) 4	KTNPTB cho trâu bò (Vân) 4	Trồng trọt cơ bản (Huyền) 4
CN65A1 P.B202	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Lệ)</i> 1 Dược lý thú y (Lệ) 4	DD và thức ăn CN (Hoà) 4	Giáo dục QP-AN(Mạnh) 4	GP sinh lý vật nuôi (Hằng) 4	
	Chiều					
CN65A3 P.B203	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (H.Nga)</i> 1 KTTG (Nga) 4	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 4	DD và thức ăn CN (Quyên) 4	Giáo dục QP-AN(Mạnh) 4	
	Chiều					

CN65A4 P.E101	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Vân)</i> Giáo dục QP-AN(Mạnh)	1 4	KTTG (Nga)	4	Dược lý thú y (Lệ)	4	Pháp luật (Nga)	2 2	KTTG (Nga)	4
	Chiều										
LN65A P.E203	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Lịch)</i> GD chính trị (Quế)	1 4	Đo đạc (Tuyết)	4	An toàn lao động (Hùng)	4	Pháp luật (Huyền)	2 2	GD chính trị (Quế)	4
	Chiều			<i>Các môn Tin học, GD chính trị, Pháp luật, GDTC học ghép cùng lớp TT65A1</i>							
KTDN64A1 P.B101	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hoa)</i> KTNS xã phường (Hoa)	1 3	Thống kê doanh nghiệp (Thủy)	4	Thuế (P.Thảo)	4	Kế toán DN 2 (P.Thảo)	4		
KTDN64A2 P.E304	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Thủy)</i> Kế toán DN 2 (Dung)	1 3	Kế toán DN 2 (Dung)	4	Thống kê doanh nghiệp (Thủy)	4	KTNS xã phường (Hoa)	4		
KTDN65A1 P.B103	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Dung)</i> Kỹ năng mềm (Dung)	1 4	Lý thuyết KT (Q.Mai)	4	Kinh tế vi mô (Thủy)	4	Tiếng anh (Linh)	4		
	Chiều										
KTDN65A2 P.B104	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (P.Thảo)</i> Lý thuyết KT (P.Thảo)	1 4	GD chính trị (Thắm)	2	Tiếng anh (K.Nhung)	4	Lý thuyết KT (P.Thảo)	2		
	Chiều			Tiếng anh (K.Nhung)	2			Kỹ năng mềm (Sơn)	2		
CNTT64A1 P.TH	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Quang)</i> XD và QL Website (Quang)	1 3	XD phần mềm QL BH (Hà)	4	XD và QL Website (Quang)	4				
CNTT64A2 P.TH	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (T.Thảo)</i> QTCS DL với Access (Phương)	1 3	XD và QL Website (Quang)	4	XD phần mềm QL BH (Hà)	4				
CNTT65A1 P.B205	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hà)</i> Bảng tính Excel (Hà)	1 4	Tiếng anh (K.Nhung)	2	Tin học VP (Phương)	4	Tiếng anh (K.Nhung)	4		
	Chiều			GDTC (Thủy)	2						
CNTT65A2 P.B204	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Phương)</i> Tin học VP (Phương)	1 4	Tiếng anh (Linh)	4	GD chính trị (Quế)	2	Kỹ năng mềm (Sơn)	2		
	Chiều					GDTC (Hà)	2	GD chính trị (Quế)	2		
ĐCN64A1 P.E103	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Tuấn)</i> Cung cấp điện (Tuấn)	1 3	Trang bị điện (Nga)	4	Kỹ thuật điện tử (P.Anh)	4	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	4		
ĐCN64A2 P.E104	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Giáp)</i> KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	1 3	Kỹ thuật điện tử (P.Anh)	4	Trang bị điện (Đ.Đức)	4	Kỹ thuật điện tử (P.Anh)	4		

ĐCN64A3 P.E102	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Hoà) Trang bị điện (Nga)	1 3	Cung cấp điện (Tuấn)	4	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	4
ĐCN 64B	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Huyền) Trang bị điện (Đ.Đức)	1 3	Cung cấp điện (Đ.Đức)	4	KT máy lạnh và ĐHKK (Huân)	4
ĐCN65A1 P.E301	Sáng	Sinh hoạt lớp (Đ.Đức) Vẽ Kỹ thuật điện (P.Anh)	1 4	Tiếng anh (Phiên)	4	An toàn điện (Hoà)	4
	Chiều					Mạch điện (Huyền)	4
ĐCN65A2 P.E303	Sáng	Sinh hoạt lớp (Tiến) Tiếng anh (T.Nhung)	1 4	Mạch điện (Huyền)	4	Vật liệu điện (N.Đức)	4
	Chiều					Vật liệu điện (N.Đức)	4
ĐCN65B1	Sáng	Sinh hoạt lớp (Huân) An toàn điện (Hoà)	1 4	Vẽ Kỹ thuật điện (N.Đức)	4	Vật liệu điện (Huân)	4
	Chiều					Mạch điện (Dương)	4
ĐCN65B2 P.E302	Sáng	Sinh hoạt lớp (Dương) Tiếng anh (Linh)	1 4	Vật liệu điện (P.Anh)	4	Mạch điện (Dương)	4
	Chiều					Tin học (Phương)	4
ĐCN65B3 P.E304	Sáng	Sinh hoạt lớp (Nga) Tiếng anh (K.Nhung)	1 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4	Vẽ Kỹ thuật điện (P.Anh)	4
	Chiều					Khí cụ điện (Nga)	4
TL64	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (N.Đức) KTTC Công trình TL (N.Đức)	1 3	Duy tu bảo dưỡng CTTL (Hoà)	4	KTTC Công trình TL (N.Đức)	4
TL65	Sáng	Sinh hoạt lớp (N.Đức) Cơ kỹ thuật (Huyền)	1 4	KT an toàn lao động (Hoà)	4	Cơ kỹ thuật (Huyền)	4
	Chiều					KT an toàn lao động (Hoà)	4
KTDN64B	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Mai) Kế toán doanh nghiệp 1 (Mai)	1 3	KTNS xã phường (T.Thảo)	4	Thống kê DN (Dung)	4
KTDN65B	Sáng	Sinh hoạt lớp (T.Thảo) Lý thuyết KT (T.Thảo)	1 4	Nguyên lý thống kê (Mai)	4	Lý thuyết KT (T.Thảo)	4
	Chiều					Kinh tế vi mô (Thúy)	4
CBBQ64	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Liên) Quản lý chất lượng TS (Liên)	1 2	CB lạnh đông thủy sản (Năm)	4	SX sạch hơn (Năm)	4

CBBQ65	Sáng	Sinh hoạt lớp (Liên)	1	Vi sinh vật TP (Liên)	4	Hoá sinh học TP (Năm)	4	Hoá sinh học TP (Năm)	4	Vi sinh vật TP (Liên)	4	
	Chiều	Vi sinh vật TP (Liên)	4									
KTMĐT64	Sáng											
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Năm)	1	Khai thác máy phụ TT (Đồng)	4	Khai thác máy phụ TT (Đồng)	4	Khai thác máy phụ TT (Đồng)	4			
KTMĐT65	Sáng	Sinh hoạt lớp (Năm)	1	MT và BVMT (Ảnh)	4	Cơ kỹ thuật (Huyền)	4	Vẽ kỹ thuật (Trung)	4	Vẽ kỹ thuật (Trung)	4	
	Chiều	Cơ kỹ thuật (Huyền)	4									
NTTS64	Sáng											
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Liên)	1	Sản xuất giống tôm sú (Ảnh)	4	Sản xuất giống cua biển (Ảnh)	4	Sản xuất giống cua biển (Ảnh)	4			
ĐKTĐ65	Sáng	Sinh hoạt lớp (Ảnh)	1	TT liên lạc hàng hải (Tiền)	4	TT liên lạc hàng hải (Tiền)	4	Vẽ kỹ thuật (Trung)	4	Vẽ kỹ thuật (Trung)	4	
	Chiều	ATLD hàng hải (Ảnh)	4									
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN												
THỨ LỚP		Thứ 6				Thứ 7				Chủ nhật		
TT64A2	Sáng					Sinh hoạt lớp (Lịch)				1	Phòng trừ dịch hại (Lịch)	4
	Chiều					Bệnh cây CK (Hương)				4		
TT64A3 TT65A2 P.B204	Sáng					Chế biến bảo quản sau thu hoạch (Huyền)				4	Cây rau (Huệ)	4
	Chiều					Sinh hoạt lớp (Huệ)				1	Giống cây trồng (Huyền)	4
CN64A2 CN65A2 P.B205	Sáng					Côn trùng chuyên khoa (Huệ)				4	Bệnh cây đại cương (Lịch)	4
	Chiều					Côn trùng chuyên khoa (Huệ)				4		
	Sáng					Sinh hoạt lớp (Phượng)				1	Dược lý thú y (Duyên)	4
	Chiều					VSV - TN (Phượng)				4		
						KTNPTB cho lợn (Hưng)				4	KTNPTB cho gà vịt (Quyên)	4


KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Đoàn Văn Lưu

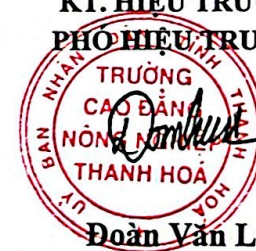
THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Từ ngày 27/10/2025 đến ngày 02/11/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH63B1	Sáng	HDTN (Nhưng) 1 Toán (Nhưng) 3	Ngữ văn (Hằng) 2 Hoá học (Doan) 2	Địa lý (Thuý) 2 Ngữ văn (Hằng) 2	Vật lý (Dịu) 4	Lịch sử (Hà) 4
	Sáng	HDTN (Hà) 1 Hóa học (Hà) 3	GDKT và PL (Quế) 2 Sinh học (Phượng) 2	Toán (Lan Anh) 4	Ngữ văn (Hằng) 4	Ngữ văn (Hằng) 4
VH63B4 P.B303	Sáng	HDTN (Dự) 1 Lịch sử (Dự) 3	Ngữ văn (H.Hà) 2 Địa lý (Duyên) 2	Toán (Nhưng) 4	Ngữ văn (H.Hà) 2 GDKT và PL (Quyên) 2	Toán (Nhưng) 2 Hoá học (Vân) 2
	Sáng	GDKT và PL (Tài) 1 Ngữ văn (Hường) 2 HDTN (Hoà) 1	Địa lý (Duyên) 2 Toán (Nhưng) 2	Hoá học (Vân) 2 GDKT và PL (Tài) 2	Vật lý (Hoà) 2 Ngữ văn (Hường) 2	Lịch sử (Lý) 2 Toán (Nhưng) 2
VH63B7 P.B305	Sáng	HDTN (Nga) 1 Ngữ văn (H.Hà) 3	Vật lý (Hoà) 2 Toán (Quý) 2	Địa lý (Ngọc) 2 Hoá học (Vân) 2	Toán (Quý) 2 Ngữ văn (H.Hà) 2	Địa lý (Ngọc) 2 Lịch sử (Lý) 2
	Sáng	HDTN (K.Nhung) 1 Toán (Quý) 3	Ngữ văn (Hường) 2 Vật lý (Hoà) 2	Sinh học (Phượng) 2 GDKT và PL (Quyên) 2	Lịch sử (Dự) 2 Địa lý (Duyên) 2	Toán (Quý) 2 Ngữ văn (Hường) 2
VH64B1	Sáng	HDTN (Hằng) 1 Địa lý (Thuý) 3	Hoá học (Doan) 2 Ngữ văn (Hằng) 2	Ngữ văn (Hằng) 2 Địa lý (Thuý) 2	Toán (Nhưng) 4	
	Chiều					Địa lý (Thuý) 4
VH64B3 P.B102	Sáng	HDTN (Vân) 1 GDKT và PL (Quyên) 3	Toán (Dương) 2 Ngữ văn (Hường) 2	Ngữ văn (Hường) 4	Địa lý (Thuý) 4	
					Hoá học (Vân) (P.B302) 2 Vật lý (Hoà) (P.B302) 2	

VH64B4 P.E201	Sáng	HĐTN (H.Nga) 1 GDKT và PL (Thắm) 3	Toán (Nhưng) 2 Lịch sử (Hằng) 2	Ngữ văn (Hà) 4	Địa lý (Nga) 2 Hoá học (Hà) 2	Hoá học (Hà) 2 Vật lý (Trung) 2
	Chiều					Toán (Nhưng) 4
VH64B5 P.E202	Sáng	HĐTN (Hoà) 1 CD Lịch sử (Hằng) 3	CD Lịch sử (Hằng) 2 Toán (Dương) 2	Ngữ văn (Thiên Lý) 2 Hoá học (Hà) 2	Địa lý (Phương) 2 Vật lý (Hoà) 2	Hoá học (Hà) 2 Toán (Dương) 2
	Chiều					Ngữ văn (Thiên Lý) 4
VH64B6 P. B101	Sáng	HĐTN (H. Hà) 1 Địa lý (Duyên) 3	Toán (Quý) 2 Ngữ văn (H.Hà) 2	Hoá học (Hà) 2 Ngữ văn (H.Hà) 2	Địa lý (Duyên) 2 Toán (Quý) 2	
VH64B8 P.E204	Sáng	HĐTN (Phiên) 1 Ngữ văn (Lý) 3	Sinh học (Phượng) 2 GDKT và PL (Tài) 2	GDKT và PL (Tài) 2 Địa lý (Phương) 2	Toán (Lan Anh) 2 CD Lịch sử (Dự) 2	Toán (Lan Anh) 4
VH65B1	Chiều	HĐTN (Thuý) 1 Toán (Hương) 3	Địa lý (Thuý) 4	Hoá học (Doan) 4	Vật lý (Dịu) 2 GDKT và PL (Đ.Thúy) 2	Lịch sử (Hà) 4
VH65B2 P.E301	Chiều	HĐTN (Quyên) 1 GDKT và PL (Quyên) 3	Ngữ văn (H.Hà) 2 Hóa học (Hà) 2	Địa lý (Thuý) 2 CD Lịch sử (Dự) 2	Toán (Dương) 2 Ngữ văn (H.Hà) 2	Toán (Dương) 2 Vật lý (Dịu) 2
VH65B3 P.E303	Chiều	HĐTN (Quý) 1 Toán (Quý) 3	Địa lý (Phương) 2 GDKT và PL (Thắm) 2	GDKT và PL (Thắm) 2 Toán (Quý) 2	Ngữ văn (Lý) 2 Hoá học (Văn) 2	Vật lý (Dịu) 2 Ngữ văn (Lý) 2
VH65B4 P.B102	Chiều	HĐTN (Mạnh) 1 GDKT và PL (Nga) 3	Toán (Quý) 2 Vật lý (Trung) 2	Toán (Quý) 2 Ngữ văn (Thiên Lý) 2	Toán (Quý) 2 Ngữ văn (Thiên Lý) 2	Toán (Quý) 2 Hoá học (Văn) 2
VH65B5 P.B205	Chiều	HĐTN 1 Toán (Dương) 3	Ngữ văn (Hà) 2 GDKT và PL (Nga) 2	GDKT và PL (Nga) 2 Ngữ văn (Hà) 2	Lịch sử (Nhưng) 2 Toán (Dương) 2	
VH65B6 P.B204	Chiều	HĐTN (Linh) 1 GDKT và PL (Thắm) 3	Toán (Lan Anh) 2 Địa lý (Phương) 2	Ngữ văn (Thiên Lý) 2 Toán (Lan Anh) 2	Vật lý (Trung) 2 Sinh học (Phượng) 2	
VH65B7 P.B104	Chiều	HĐTN (Phượng) 1 Ngữ văn (Lý) 3	Vật lý (Trung) 2 Sinh học (Phượng) 2	Toán (Lan Anh) 2 Địa lý (Phương) 2	Sinh học (Phượng) 2 Lịch sử (Nhưng) 2	

VH65B3 P.B202	Chiều	HDTN (Hường) Hóa học (Hà)	1 3	Địa lý (Duyên) GDKT và PL (Quyên)	2 2	Sinh học (Phượng) GDKT và PL (Quyên)	2 2	Hoá học (Hà) Ngữ văn (Hường)	2 2		
VH65B9 P.B203	Chiều	HDTN (Hồng) Toán (Lan Anh)	1 3	Hoá học (Hà) Sinh học (Hồng)	2 2	Sinh học (Hồng) Hoá học (Hà)	2 2	Ngữ văn (Thiên Lý) Hoá học (Hà)	2 2		
VH65B10 P.B103	Chiều	HDTN (Thắm) Vật lý (Hoà)	1 3	Vật lý (Hoà) Toán (Dương)	2 2	Toán (Dương) Địa lý (Thủy)	2 2	Sinh học (Hồng) Ngữ văn (Lý)	2 2		
VH65B11 P.E101	Chiều	HDTN (Quế) CD Lịch sử (Hằng)	1 3	Toán (Dương) Ngữ văn (Hà)	2 2	Ngữ văn (Hà) Toán (Dương)	2 2	GDKT và PL (Quế)	4	Địa lý (Nga) Sinh học (Hồng)	2 2

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Văn Lưu